TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Gia Ảnh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** - Sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05/02/2020).

2. Bị đơn: Ông **Cao Tấn C** - Sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông C vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Cao Tấn C tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh T vào ngày 21/3/2003. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc tại xã B, huyện D, tỉnh T đến đầu năm 2012 về sinh sống tại số ấp H, xã N, huyện C, tỉnh B. Ông bà chung sống đến khoảng năm đầu 2015 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên đầu năm 2016 bà T đi thành phố H để sống cùng con gái cho đến nay. Hiện nay, bà và ông C đã ly thân với nhau, không ai lo cho ai. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà T và ông C có một người con chung tên Cao Ngọc Thảo P, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do nhà ở xa và bận công việc gia đình không có thời gian đi lại nên bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về phía bị đơn ông Cao Tấn C: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Ông C cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà T.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Bà T và ông C có một người con chung tên Cao Ngọc Thảo P, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà T

không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: Bà T khai bà và ông C không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án *"Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn là ông Cao Tấn C vắng mặt không lý do. Phía bà Nguyễn Thị Ngọc T cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà T và ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Cao Tấn C tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 21/3/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông C sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 03/3/2020, địa P cũng xác nhận là cuộc sống hôn nhân của ông bà lúc đầu hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 thì vợ chồng bà T và ông C có xảy ra mâu thuẫn, không còn thấy ông bà sống chung với nhau nữa. Trong thời gian ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện sự không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hôn nhân của bà T và ông C đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có một người con chung tên Cao Ngọc Thảo P, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T khai bà và ông C không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Cao Tấn C. Bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung: Bà T và ông C có một người con chung tên Cao Ngọc Thảo P, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2000, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T khai bà và ông C không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007014 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh